

Bản án số: 57/2017/HSPT
Ngày 25 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Lê Duy Giá

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSPT ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn A và đồng phạm do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V Y.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn A (tên gọi khác A đen), sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT: Thôn N Đ, xã V Q, huyện L Th, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Tr G, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và con bà Đào Thị T, sinh năm 1958; có vợ là Tạ Thị Th, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án; cụ thể đó là: Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2014/HSST ngày 25/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn A 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” đến ngày 31/8/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2017 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Khương Văn B (tên gọi khác B bộ cặp), sinh năm 1991; trú tại: Thôn Q Tr, xã T L, huyện L Th, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Khương Văn T, sinh năm 1960 và con bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1963; có vợ là Bùi Thị Th H, sinh năm 1993 và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016); tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án; Cụ thể đó là: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 25/2013/HSPT ngày

22/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/6/2013; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2014/HSST ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2014.

Về nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số:78/2016/HSST ngày 24/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2016/HSST ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Duy C (tên gọi khác C đất), sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố H H, thị trấn Th L, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Tr G, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1971 và con bà Chu Thị S, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, Cụ thể đó là: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2014/HSST ngày 23/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2016; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2016 cho đến nay (có mặt).

4. Họ và tên: Đỗ Văn D (tên gọi khác D bén), sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn V Tr, xã Th Tr, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Tr G, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1971 và con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 có vợ là Đào Thị T, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án; Cụ thể đó là: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/11/2014; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2016 cho đến nay (có mặt).

5. Họ và tên: Trần Văn E (tên gọi khác E tặc), sinh năm 1995; trú tại: Thôn Th N, xã B H, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn Ng (đã chết) và con bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không, tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, cụ thể đó là: Ngày 01/12/2015, Công an huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”, mức phạt 2.500.000đ đến ngày 09/12/2016 bị cáo đã nộp phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2016 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 116 đường T Đ Th, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 60 đường L D, phường L B, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017, có mặt).

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V Y và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V Y thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1971, ở phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc nợ tiền của Nguyễn Văn A và nhiều lần A đòi nhưng anh N không trả. Khoảng 12 giờ ngày 24/6/2016, A tiếp tục gọi điện, nhắn tin cho anh N yêu cầu anh N trả tiền, anh N bảo đang đi nghỉ mát ở Thanh Hóa khi nào về sẽ gặp A nói chuyện nợ nần giữa anh N và A xảy ra cãi chửi nhau. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh Ninh đi xe ô tô nhãn hiệu Altis màu đen, BKS 88A – 030.42 đến quán cà phê của anh Nguyễn Văn H ở số nhà 19 đường T Đ Th, phường K Q, thành phố V Y uống nước chè. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/6/2016, A đi xe máy qua đường T Đ Th thì nhìn thấy anh N đang ngồi trong quán cà phê của anh H. A tức giận vì anh N bảo đi nghỉ mát ở Thanh Hóa mà lại ở thành phố V Y nên nảy sinh ý định cho người đi đánh anh N. A đi xe máy về quán cầm đồ Anh Cường, ở tổ dân phố H L, phường K Q, thành phố V Y là quán cầm đồ do A và vợ là chị Tạ Thị Th quản lý. Trên đường về quán cầm đồ, A gọi điện cho Khương Văn B là người làm thuê ở quán cầm đồ cho A hỏi B “bạn vẫn ở cửa hàng à”, B bảo “ừ” thì A bảo B ở lại cửa hàng để A đến giao việc. Sau khi gọi điện cho B, A gọi điện cho Đỗ Văn D bảo D rủ thêm một người nữa đem theo dao, kiếm ra cửa hàng cầm đồ của A (mục đích của A gọi người đến quán cầm đồ để chỉ đạo đi đánh anh N, D nghe điện thoại của A cũng hiểu A gọi lên quán cầm đồ để đi đánh nhau) nên D đồng ý rồi đi xe máy từ xã Th Tr, thành phố V Y về phòng trọ của D ở tổ dân phố Tr G, phường K Q, thành phố V Y để chuẩn bị đi đánh nhau. Khi D đang đi trên đường thì lại nhận được điện thoại của A bảo D sang phòng trọ của anh Vi Văn F (là người được A thuê làm quản lý tiếp viên quán hát cho A) ở gần phòng trọ của D bảo anh F đưa xe máy nhãn hiệu Wave, màu trắng, không BKS (xe máy này của khách cầm cố tại quán của A và F mượn xe máy để sử dụng) để đi ra cửa hàng cầm đồ của A, đồng thời A dặn D mặc quần áo dài, đeo khẩu trang vào. Sau khi nhận điện thoại của A thì D gọi điện cho anh F bảo anh F đem xe máy về đưa cho D. Sau đó, D đi xe máy về phòng trọ của mình lấy một con dao dạng kiếm dài khoảng 70cm rồi đi ra cổng chờ anh F về. Sau khi gọi điện cho B và D, A đi xe máy về cửa hàng cầm đồ Anh Cường. Tại đây, A gặp B và Nguyễn Duy C là người làm thuê tại quán cầm đồ của A, A hỏi B “E đâu” (là Trần Văn E, sinh năm 1995, ở xã B H, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc cũng là người làm thuê tại quán cầm đồ của A), B bảo không biết E đi đâu, A gọi điện cho E bảo về cửa hàng nhanh, E đồng ý. Lúc này E

đang ngồi chơi ở phòng trọ của anh F, E đi xe máy ra quán cà phê gặp A, B và C. Sau đó, A tiếp tục gọi điện cho D giục D đi nhanh ra cửa hàng cà phê của A. Trong khi chờ D đến, A nói cho B biết việc anh N vay nợ tiền của A, đòi nhiều lần không trả, nay A đòi, N nói đang ở Thanh Hóa nhưng A vẫn thấy N ở V Y nên A bảo B đi xe máy đến quán cà phê ở số nhà 19 đường T Đ Th xem anh N còn ở đó không để bảo D, C và E ra đánh anh N được B đồng ý. Sau đó B đi xe máy ra quán cà phê trên thì thấy có khoảng từ 4 đến 5 người nam giới đang ngồi trong quán, bên ngoài quán có chiếc xe ô tô con màu đen. Lúc này, A gọi điện cho B hỏi “đang ở đâu, có đúng nó không”, B bảo “nó ngồi trong nhà, chắc đi con ô tô đen này chứ gì”, A bảo “có phải Altis đen không, nếu xe có số 42 thì đúng là nó”, B nhìn biển số xe anh N thấy BKS 88A – 030.42 nên bảo “Altis thì đúng rồi, xe nó có số 42”. B nói với A bảo D, C, E xuống B chỉ cổng nhà anh N để đánh anh N nhưng A không đồng ý vì sợ nếu anh N khi về đến cổng cho xe vào nhà ngay mà không xuống xe mở cổng thì không đánh được nên A bảo B sẽ đánh anh N ngay tại quán cà phê nơi anh N đang ngồi uống. Sau đó, B đi xe máy về quán cà phê của A. Cùng lúc này tại quán cà phê, A bảo E, C mặc quần áo dài tay, đeo khẩu trang để đi đánh anh N. C và E vào trong quán thay quần áo dài, đeo khẩu trang, C lấy ở trong quán 01 chiếc dùi cui điện, hình trụ tròn, dài khoảng 30cm, có vỏ bên ngoài bằng nhựa, màu đen của C còn E lấy 01 con dao quắm dài khoảng 40cm, chuôi gỗ của E để trong quán từ trước. Sau khi anh F đi xe máy nhãn hiệu Wave về, D đi xe máy trên và cầm theo 01 con dao dạng kiếm đến quán cà phê của A (trước khi anh F đi xe máy về, D thấy trong phòng trọ của anh F có bạn gái anh F nên D không rủ anh F đi cùng). Khi D đến, A bảo B dẫn đường cho D, C và E đi đánh anh N. B đi xe máy một mình còn D điều khiển xe máy Wave màu trắng, không BKS chở C và E đi theo B. Khi đi qua quán cà phê ở số nhà 19 đường T Đ Th, phường K Q, thành phố V Y thì B chỉ tay về phía quán cà phê anh N đang ngồi cho D, C và E biết rồi B rồi tiếp tục đi đến cột đèn tín hiệu giao thông gần siêu thị Coopmax dừng lại chờ D, E, C đến. Sau khi gặp nhau tại vị trí dừng đèn đỏ, B tiếp tục dẫn D, C và E “N mặc áo cộc tay trong quán đây, có ô tô con màu đen có số 42 đỗ ngoài cửa” và B tiếp tục nói “nếu không nhớ người thì cứ thẳng nào ra xe đấy thì chém” rồi B phóng xe máy bỏ đi, còn lại D, C và E đi xe máy đến dựng bên cạnh quán cà phê anh N ngồi chờ anh N ra. Lúc này, A gọi điện cho D bảo nếu thuận lợi thì vào trong quán chém anh N không phải chờ anh N ra ngoài nhưng D thấy trong quán đông người nên không vào. Đến khoảng 23 giờ ngày 24/6/2016, anh N đi ra khỏi quán cà phê và bấm khóa từ để mở cửa xe ô tô BKS 88A – 030.42. Khi phát hiện thấy anh N đi ra xe nên D cầm theo dao đi qua đầu xe ô tô, C cầm dùi cui điện đi vòng ra phía sau xe ô tô của anh N còn E cầm dao quắm đi phía sau D. Thấy vậy, anh N bỏ chạy về phía sau xe ô tô thì bị C cầm dùi cui điện dí vào lưng, anh N chạy sang phía bên kia đường thì bị D chặn lại ở giữa đường và dùng dao chém một phát vào bên tay trái anh N, C tiếp tục dí dùi cui điện vào người N. Anh N chạy sang phía bên kia đường thì bị D,

C đuổi theo, quá trình đuổi theo anh N, C bị ngã làm vỡ dùi cui điện. Khi anh N chạy sang vỉa hè bên kia đường thì bị E đuổi kịp và dùng dao quắm chém một phát vào bên vai trái làm anh N bị ngã cùng lúc này D chạy đến dùng dao chém hai phát vào chân anh N. Sau đó, anh N vùng dậy chạy vào quán trà đá Huyền Linh của chị Nguyễn Thị H ở đường T Đ Th, phường K Q, thành phố V Y. Thấy anh N chạy vào nhà dân nên D, C và E không đuổi theo, E chạy đến lấy xe máy chở D và C bỏ chạy còn anh N được quần chúng nhân dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc cấp cứu, rồi ngày 25/6/2016 chuyển xuống Bệnh viện Trung ương quân đội 108 điều trị, đến ngày 01/7/2016 ra viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 216/TgT ngày 04/8/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận thương tích của anh Nguyễn Ngọc N: sẹo phần mềm mồm cùng vai trái, xếp 01%; sẹo phần mềm sát cổ tay trái, xếp 03%; sẹo phần mềm 1/3 trên mặt trước ngoài cẳng chân trái, xếp 03%; sẹo phần mềm 1/3 dưới mặt ngoài cẳng chân trái, xếp 01%; gãy đầu dưới xương trụ trái (còn phương tiện kết hợp xương), xếp 08%; đứt gân duỗi chung tay trái, xếp 03%; đứt bán phần thần kinh trụ tay trái, xếp 22%. Tổng hại sức khỏe ở thời điểm hiện tại là 36% bằng phương pháp cộng lùi.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc N yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 500.000.000đ. Cụ thể: Chi phí đi lại, viện phí, tiền thuốc: 200.000.000đ; khoản mất thu nhập của người chăm sóc: 10.000.000đ/tháng x 9 tháng = 90.000.000đ; khoản mất thu nhập của anh Ninh: 15.000.000đ/tháng x 9 tháng = 135.000.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần: 30 tháng lương x 1.250.000đ = 37.500.000đ; khoản bồi dưỡng vết thương: 37.500.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V Y đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và Trần Văn E phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn A 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 04/01/2017).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Khương Văn B 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 78/2016/HSST ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo Khương Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam của Bản án số 78/2016/HSST ngày 24/11/2016 (ngày 16/8/2016).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn D 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 10/10/2016).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Duy C 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/10/2016).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn E 05 (năm) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 23/10/2016).

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và Trần Văn E phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Ngọc N là 98.285.000đ. Kỳ phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 19.657.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/6/2017, người bị hại Nguyễn Ngọc N có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo và tăng tiền bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo đề nghị tăng hình phạt sang nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự giữa người bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận với nhau về mức bồi thường thiệt hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự. Giữ nguyên hình phạt và sửa phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Về hình thức: Đơn kháng cáo và nội dung thay đổi kháng cáo của người bị hại Nguyễn Ngọc N làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và Trần Văn E khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt

nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra cho xã hội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc vay nợ giữa Nguyễn Văn A với anh Nguyễn Ngọc N và nhiều lần A đòi nhưng anh N không trả. Khoảng 12 giờ ngày 24/6/2016 A tiếp tục gọi điện thoại, nhắn tin đòi nợ anh N nhưng anh N nói đang đi nghỉ mát ở Thanh Hóa, khi nào về gặp giải quyết sau thì hai người xảy ra cãi chửi nhau. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày anh N đến quán cafe của anh Nguyễn Văn H ở số nhà 19, đường T Đ Th, thành phố V Y uống nước. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày A đi xe máy qua phát hiện thấy anh N đang ngồi trong quán cafe thì A bực tức vì anh N nói đi Thanh Hóa mà lại ở V Y nên nảy sinh ý định đánh anh N. Sau đó A bàn bạc rồi phân công Khương Văn B đi trước đến địa điểm anh N đang ngồi uống nước rồi chỉ điểm cho Đỗ Văn D, Trần Văn E và Nguyễn Duy C mang theo kiếm, dao quắm và dùi cui điện tấn công gây thương tích cho anh N. Anh Nguyễn Ngọc N bị thương tích phải đi bệnh viện điều trị và được Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận tổn hại 36% sức khỏe.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Khi thực hiện hành vi gây thương tích cho người bị hại, bị cáo Nguyễn Văn A và đồng phạm đã sử dụng dao quắm, kiếm, dùi cui điện là loại hung khí nguy hiểm, có tính sát thương cao có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại được pháp luật quy định là “Dùng hung khí nguy hiểm”. Chỉ vì xuất phát từ người bị hại nợ tiền chưa trả mà Nguyễn Văn A bàn bạc, phân công các đồng phạm dùng dao, kiếm, dùi cui điện tấn công gây thương tích cho người bị hại pháp luật quy định là “có tính chất công đồ”. Đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Duy C đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý và bị cáo Khương Văn B đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của A, C và B là “Tái phạm nguy hiểm”. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm, hung khí sử dụng và thương tích của người bị hại để xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét về đề nghị xin giảm hình phạt tù của người bị hại cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương và

làm gương cho người khác. Các bị cáo đều là những người có nhân xấu do đã có tiền án, tiền sự về các tội như: Cướp tài sản; cướp giết tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng trở thành người có ích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi gây thương tích cho người khác thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe người khác. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn A là chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C, Trần Văn E mang theo hung khí là kiếm, dao, dùi cui điện tấn công gây thương tích cho anh N. Bị cáo Khương Văn B là người tiếp nhận ý chí theo sự chỉ đạo của A thực hiện hành vi giúp sức cho D, C, E để tấn công gây thương tích cho anh N. Các bị cáo Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và Trần Văn E là người thực hành theo sự chỉ đạo của A trực tiếp sử dụng hung khí gây thương tích cho anh N. Các bị cáo gây tổn hại cho sức khỏe của người bị hại 36% lại phạm tội thuộc các trường hợp pháp luật quy định là: Dùng hung khí nguy hiểm; có tính chất côn đồ; tái phạm nguy hiểm. Do vậy, các bị cáo bị truy tố, xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 15 năm là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù (chưa ở mức giữa khung hình phạt) và lần lượt đến bị cáo Khương Văn B 06 năm 03 tháng, các bị cáo Đỗ Văn D và Nguyễn Duy C mỗi bị cáo 06 năm tù và bị cáo Trần Văn E 05 năm 03 tháng (chỉ trên mức khởi điểm của khung hình phạt) là đã có phần nhẹ so với tính chất cũng như mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra. Do vậy đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại Nguyễn Ngọc N cho các bị cáo là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận với nhau là: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C, Trần Văn E liên đới bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc N tổng số tiền là 250.000.000đ (bao gồm tất cả các khoản chi phí kể từ khi anh N bị thương tích và cả những chi phí, điều trị của anh N về sau nếu có phát sinh). Phân trách nhiệm của các bị cáo đều bằng nhau là mỗi bị cáo phải bồi thường 50.000.000đ. Trong thời hạn xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo Nguyễn Văn A đã tự nguyện nộp tại Cơ quan thi hành án để bồi thường theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được trừ vào nghĩa vụ cho các bị cáo Nguyễn Duy C, Khương Văn B và Đỗ Văn D. Trách nhiệm giữa các bị cáo Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và bị cáo Khương Văn B với gia đình bị cáo Nguyễn Văn A được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Số tiền cụ thể mỗi bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Nguyễn Duy C, Đỗ Văn D và Trần Văn E phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc N là $50.000.000đ - 19.657.000đ = 30.343.000đ$.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt và ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường giữa các bị cáo với người bị hại là có căn cứ, cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên người bị hại Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí.

Về án phí dân sự trong án hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Nguyễn Ngọc N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V Y.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Duy C và Trần Văn E phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 06 (sáu) năm tù, hồi hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Khương Văn B 06 (sáu) năm tù (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 78/2016/HSST ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo Khương Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm tù (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/10/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Văn E 05 (năm) năm tù (ba) tháng tù. Thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm giữa các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D Nguyễn Duy C và Trần Văn E với người bị hại Nguyễn Ngọc N.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Trần Văn E và Nguyễn Duy C phải liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Ngọc N tổng số tiền là 250.000.000đ. Kỷ phần cụ thể mỗi bị cáo phải chịu 50.000.000đ. Xác nhận các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Trần Văn E và Nguyễn Duy C mỗi bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc N được 19.657.000đ. Do vậy số tiền còn lại mỗi bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Đỗ Văn D, Trần Văn E và Nguyễn Duy C phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc N là 30.343.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí.

Án phí dân sự các bị cáo Nguyễn Văn A, Khương Văn B, Nguyễn Duy C, Trần Văn E và Đỗ Văn D mỗi bị cáo phải chịu 1.500.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân thành phố V Y;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố V Y;
- Công an thành phố V Y;
- Thi hành án thành phố V Y;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Duy Sơn